

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.: 20221010/KTGD/FUEKIV30-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Ho Chi Minh City, October 10, 2022

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADINGKính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*To: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ *KIM GROWTH VN30 ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* **FUEKIV30**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 07/10/2022
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	1,900	5.38%
2	BID	100	0.44%
3	BVH	100	0.69%
4	CTG	500	1.51%
5	FPT	600	6.50%
6	GAS	100	1.51%
7	GVR	100	0.25%
8	HDB	1,100	2.83%
9	HPG	2,100	5.35%
10	KDH	300	1.11%
11	MBB	1,700	4.36%
12	MSN	400	4.91%
13	MWG	700	5.75%
14	NVL	500	5.68%
15	PDR	200	1.44%
16	PLX	100	0.46%
17	POW	400	0.65%
18	SAB	100	2.63%
19	SSI	700	1.72%
20	STB	1,200	3.06%
21	TCB	1,500	6.22%
22	TPB	500	1.70%
23	VCB	300	2.98%
24	VHM	800	6.07%
25	VIB	800	2.35%
26	VIC	600	5.10%
27	VJC	200	3.23%
28	VNM	600	5.95%
29	VPB	3,100	7.24%
30	VRE	600	2.25%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	4,853,248	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND)

701,560,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND)

706,413,248

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND)

4,853,248



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	20,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	31,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BVH	48,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	FPT	76,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	HDB	18,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	18,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MWG	58,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	SSI	17,400	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
9	TCB	29,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TPB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	VIB	20,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VPB	16,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period (*)</i> 07/10/2022	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i> 06/10/2022	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	51,500,000	51,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	7,100.00	7,630.00	(530.00)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	363,802,823.218	364,981,771.987	(1,178,948,769)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	706,413.248	729,963.543	(23,550,295)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	7,064.13	7,299.63	(235.50)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,039.54	1,081.36	(41.82)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

06/10/2022

/ *Item 5 is net asset value at*

06/10/2022

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

05/10/2022

/ *Item 5 is net asset value at*

05/10/2022

